

100

ung Bướu

- Dịch tễ học ung thư cổ tử cung tại Việt Nam  
☒ A. Là ung thư phụ khoa thường gặp nhất tại Việt Nam sau K<sub>u</sub> ở nữ  
☐ B. Có xuất độ ngày càng gia tăng  
☐ C. Xuất độ ở các tỉnh phía Nam cao hơn phía Bắc  
☐ D. Thường gặp nhất ở phụ nữ từ 40-45 tuổi 18-52+
- Các yếu tố nào sau đây được xem là yếu tố thuận lợi của ung thư cổ tử cung  
☐ A. Có mẹ ruột bị ung thư cổ tử cung  
☒ B. Quan hệ tình dục với nhiều người K CTC ko dt  
☐ C. Lập gia đình muộn 5m  
☐ D. Tiền căn cao huyết áp  
☐ E. Câu A và B đều đúng K di truyền: u, buồng trứng, DT
- Phân chia mức độ tân sinh trong biểu mô cổ tử cung (CIN) dựa vào  
☐ A. Độ sâu xâm lấn của tổn thương xuống màng đáy  
☒ B. Tỷ lệ độ dày tổn thương so với chiều dày lớp biểu mô  
☐ C. Mức độ biệt hóa của các tế bào tổn thương  
☐ D. Kích thước của tổn thương  
☐ E. Câu A và B đúng
- Tổn thương tiền ung thư cổ tử cung  
☐ A. Thường diễn tiến thành ung thư xâm lấn trong vòng 3-5 năm nếu không điều trị  
☐ B. Lan đến các túi cùng âm đạo thường gặp X ko lan  
☒ C. Có thể tự thoái triển trong một số trường hợp  
☐ D. Chỉ gặp ở ung thư cổ tử cung dạng tế bào gai  
☐ E. Câu A và C đúng
- Diễn tiến của ung thư cổ tử cung  
☐ A. Lan vào trực tràng gặp ở giai đoạn trễ vì trực tràng nằm xa cổ tử cung  
☐ B. Lan các túi cùng âm đạo thường gặp nhưng khó đánh giá trên lâm sàng  
☒ C. Lan chu cung nguy hiểm vì có thể gây suy thận dẫn đến tử vong 70%  
☐ D. Lan lên thân tử cung dễ dàng phát hiện trên lâm sàng bằng đánh giá kích thước thân tử cung
- Di căn hạch của ung thư cổ tử cung

1C 2B 3B 4C 5<sup>C1</sup> 6<sup>a</sup> 7C



- ☒ A. Thường gặp nhất là hạch chậu ngoài và chậu trong ✓  
 B. Rất hiếm gặp, chỉ gặp ở giai đoạn trễ  
 C. Di căn hạch chậu chung được xem là di căn xa  
 D. Chỉ có thể xác định được bằng phẫu thuật sinh thiết hạch
7. Khám lâm sàng ung thư cổ tử cung  
 A. Khám bằng mỏ vịt giúp đánh giá xâm lấn lên thân tử cung  
 B. Khám chu cung bằng 2 tay: 1 tay trong âm đạo kết hợp với 1 tay ở thành bụng  
☒ C. Có thể phát hiện được dò bằng quang âm đạo ✓ *mỏ vịt thấy dc CTC*  
 D. Chỉ có thể đánh giá được chu cung khi khám dưới gây mê  
 E. Câu C và D đúng
8. Phương tiện chủ yếu dùng để tầm soát ung thư cổ tử cung hiện nay là  
 A. Khám phụ khoa lâm sàng  
☒ B. Xét nghiệm Pap ✓  
 C. Xét nghiệm DNA của HPV  
 D. Nhìn trực tiếp cổ tử cung với acid acetic (VIA)  
 E. Soi cổ tử cung
9. Tần sinh trong biểu mô cổ tử cung độ 1 (CIN1) có nguy cơ diễn tiến thành ung thư cổ tử cung xâm lấn sau 10 năm  
☒ A. 5% ✓  
☒ B. 10% ✓  
 C. 15%  
 D. 20%
10. Tần sinh trong biểu mô cổ tử cung độ 3 (CIN3) có nguy cơ diễn tiến thành ung thư cổ tử cung xâm lấn sau 10 năm:  
☒ A. 30% ✓  
 B. 45%  
 C. 60%  
 D. 75%
11. Tiêm vắc xin ngừa HPV phòng ung thư cổ tử cung, chọn câu SAI  
 A. Hiệu quả tốt nhất là ở người chưa quan hệ tình dục ✓  
 B. Người đã quan hệ tình dục vẫn có hiệu quả  
☒ C. Tiêm ngừa càng sớm càng tốt trong độ tuổi cho phép  
☒ D. Tiêm ngừa càng gần thời điểm bắt đầu quan hệ tình dục càng tốt vì hiệu quả bảo vệ sẽ cao hơn ✓  
 E. Câu A và D sai
12. Vắc xin ngừa HPV hiện tại có thể ngừa được ...% ung thư cổ tử cung  
 A. 95-100%  
 B. Trên 90%  
 C. Trên 80%  
☒ D. Trên 70% ✓
13. Các khuyến cáo tầm soát hiện nay, tuổi bắt đầu tầm soát ung thư cổ tử cung ở người đã có quan hệ tình dục là  
☒ A. 18 tuổi  
☒ B. 20 tuổi  
☒ C. 21 tuổi ✓  
 D. 25 tuổi

6a

7C 8B 9B 10A 11E 12D 13C



14. Phương pháp tầm soát nào sau đây được đề xuất có thể dùng tầm soát ung thư cổ tử cung ngoài xét nghiệm Pap

- A. Soi cổ tử cung
- B. Nạo sinh thiết cổ trong
- ☒ C. Nhìn trực tiếp cổ tử cung dưới Acid acetic
- D. Nhìn trực tiếp cổ tử cung khi khám lâm sàng
- E. Câu C và D đúng

15. Phần lớn ung thư nội mạc tử cung xuất phát từ

- A. Vùng chuyển tiếp
- B. Vùng eo tử cung
- C. Thành trước tử cung
- ☒ D. Đáy tử cung
- E. Câu C và D đúng

16. Yếu tố nguy cơ của ung thư nội mạc tử cung

- A. Viêm nhiễm phụ khoa
- B. Nhiễm HPV
- ☒ C. Dùng nội tiết thay thế kéo dài sau mãn kinh
- D. Cường giáp
- E. Câu A và C đúng

Béo phì  
↑ estrogen

HTA, nhồi máu  
xơ tim mạch

HTA, viêm khớp

17. Dịch tễ học ung thư nội mạc tử cung

- A. Là ung thư thường gặp ở các nước đang phát triển hơn các nước phát triển
- B. Tuổi trung bình lúc được chẩn đoán thường là 50-55 tuổi
- ☒ C. Có liên quan đến chế độ dinh dưỡng, béo phì
- D. Có liên quan đến chế độ hút thuốc lá
- E. Câu C và D đúng

tầm soát = SA độ dày nội mạc TC  
nghe  
nạo sinh thiết

18. Tỷ lệ sản không điển hình nặng của nội mạc tử cung có nguy cơ diễn tiến thành ung thư xâm lấn

- ☒ A. 25%
- B. 50%
- C. 60%
- D. 70%

19. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất của ung thư nội mạc tử cung là:

- ☒ A. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa cao đến trung bình
- B. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa kém
- C. Carcinôm tế bào gai, biệt hóa cao đến trung bình
- D. Carcinôm tuyến dạng nhú

stain nhầy tủy có nguyên

20. Carcinôm vú có loại GPB tiên lượng tốt là:

- A. Dạng ống nhỏ, dạng nhú, dạng chuyển sản, dạng nhầy
- ☒ B. Dạng sản, dạng nhầy, dạng tủy, dạng ống nhỏ
- C. Dạng ống nhỏ, dạng nhầy, dạng nhú, dạng sản
- D. Dạng sản, dạng nhú, dạng nhầy, dạng tủy

dạng đặc biệt

21. Giải phẫu bệnh ung thư vú, chọn câu SAI

- A. Carcinôm ống tuyến vú thường gặp hơn carcinôm tiểu thùy
- B. Carcinôm tiểu thùy tại chỗ có thể theo dõi không cần điều trị
- C. Carcinôm tuyến vú có thể cho di căn hạch
- ☒ D. Giải phẫu bệnh ung thư vú không cần xác định loại trước khi điều trị

phân tích

14<sup>C</sup> 15<sup>D</sup> 16<sup>C</sup> 17<sup>A</sup> 18<sup>A</sup> 19<sup>A</sup> 20<sup>B</sup> 21<sup>D</sup>



22. Biểu hiện nào sau đây cho biết sự hiện diện của ung thư vú giai đoạn IV:
- ☐ A. Thay đổi viêm trong tuyến vú
  - ☒ B. Di căn hạch trên đòn cùng bên
  - ☐ C. Bướu xâm lấn lan đến cơ ngực
  - ☐ D. Tất cả đều sai
23. Ung thư buồng trứng
- ☐ A. Thường gặp ở những phụ nữ sinh đẻ nhiều
  - ☒ B. Có liên quan đến gen BRCA1 và BRCA2
  - ☐ C. Có liên quan đến tình trạng viêm nhiễm phụ khoa
  - ☐ D. Rất hiếm gặp ở tuổi chưa dậy thì.
  - ☐ E. Câu B và C đúng
24. Yếu tố nguy cơ ung thư buồng trứng
- ☐ A. Dùng thuốc ngừa thai kéo dài tăng nguy cơ ung thư buồng trứng
  - ☒ B. Phụ nữ vô sinh, không lập gia đình có tăng nguy cơ ung thư buồng trứng
  - ☐ C. Quan hệ tình dục với nhiều người tăng nguy cơ ung thư buồng trứng
  - ☐ D. Nhiễm HPV các tip nguy cơ cao làm tăng nguy cơ ung thư buồng trứng
25. Các yếu tố làm tăng nguy cơ phát triển ung thư vú, ngoại trừ:
- ☐ A. Có kinh sớm hoặc mãn kinh muộn
  - ☐ B. Không sanh con
  - ☐ C. Tuổi > 30 lúc mang thai đầu tiên
  - ☒ D. Sảy thai ở 3 tháng đầu hay 3 tháng giữa thai kỳ
26. Ung thư vú, chọn câu SAI
- ☐ A. Là ung thư thường gặp nhất ở phụ nữ tính chung trên toàn thế giới.
  - ☒ B. Thường gặp ở những nước công nghiệp phát triển hơn những nước đang phát triển
  - ☐ C. Khó phát hiện sớm do không có triệu chứng lâm sàng
  - ☐ D. Có liên quan đến yếu tố gia đình.
27. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư vú là:
- ☐ A. Đau da cam ở vú
  - ☒ B. Một khối không đau ở vú
  - ☐ C. Đau vú
  - ☐ D. Tiết dịch núm vú
  - ☐ E. Hạch nách
28. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 4 năm, đến bác sĩ khám vì tự sờ thấy một mảng trong vú trái khoảng 1 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì. Không tiền căn bệnh nội ngoại khoa. Khám lâm sàng sờ thấy một khối 2 cm, sưng, giới hạn không rõ, 1/4 trên trong vú trái vị trí 11 giờ, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Hạch nách và trên đòn không sờ thấy. Nhũ ảnh không cho thấy bất thường gì trên phim. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?
- ☒ A. Chụp MRI vú 2 bên.
  - ☐ B. Siêu âm tuyến vú
  - ☒ C. FNA bướu vú trái
  - ☐ D. Sinh thiết lõi kim bướu vú trái.
  - ☐ E. Tất cả đều sai
29. Một bệnh nhân nữ, 57 tuổi, mãn kinh 6 năm, khám bệnh vì tiết dịch núm vú từ một lỗ, dịch màu hồng, đôi lúc màu đỏ, một bên vú phải. Khám lâm sàng 2 bên vú không sờ thấy bướu. Nhũ ảnh của bệnh nhân không phát hiện tổn thương vú 2 bên. Siêu âm màu tuyến vú này cho thấy dẫn

22 B

23 B

24 B

25 D

26 C

27 B

28 D

29 E



ống tuyến vú trung tâm núm vú vị trí 12 giờ, ngay dưới quầng vú, đường kính ống tuyến dẫn 4 mm và có một sang thương trong lòng ống dẫn 6 mm. Bước tiếp theo trong đánh giá bệnh nhân này?

- A. Làm tế bào học dịch tiết núm vú phải
- B. FNA sang thương vú phải dưới định vị của siêu âm
- C. Sinh thiết sang thương qua da dưới định vị của siêu âm
- D. Chụp ống dẫn sữa cản quang qua chụp nhũ ảnh chẩn đoán
- ☒ E. Tất cả đều sai

phẫu thuật

30. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 8 năm, đến bác sĩ khám vì tự sờ thấy một khối trong vú phải khoảng 3 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì. Không tiền căn bệnh lý vú trước đó, bệnh nhân đang dùng thuốc điều trị cao huyết áp và ổn định. Khám lâm sàng sờ thấy một khối 1,5 cm, chắc, giới hạn không rõ, 1/4 dưới ngoài vú phải vị trí 8 giờ, cách núm vú 4 cm, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Siêu âm nghi sang thương thay đổi sợi bọc khu trú vú phải vị trí 8 giờ. Bệnh nhân được chọc FNA dưới hướng dẫn siêu âm tương ứng vị trí này với kết quả là tổn thương lành tính. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?

Sai sai

- ☒ A. Chụp MRI vú 2 bên.
- B. Chụp nhũ ảnh 2 bên
- C. Sinh thiết trọn sang thương
- ☒ D. Sinh thiết lõi kim sang thương - core
- E. Tất cả đều sai

31. Trong các loại chất sau đây, chất nào là chất sinh ung trong bệnh ung thư phổi?

- A. Arsenic (thạch tín)
- B. Hydrocarbon vòng thơm
- C. Nicotin
- D. Asbestos (thạch miên)
- ☒ E. Tất cả đều đúng

32. Nguyên cơ ung thư phổi cao nhất ở đối tượng nào?

- A. Công nhân cạo mũ cao su
- B. Công nhân làm cầu đường
- C. Công nhân nhuộm vải
- ☒ D. Công nhân sản xuất thuốc trừ sâu
- E. Tất cả đều sai

33. Trong các loại giải phẫu bệnh của ung thư phổi không tế bào nhỏ, loại nào thường gặp nhất?

- ☒ A. Carcinôm tế bào gai
- ☒ B. Carcinôm tuyến
- C. Carcinôm gai-tuyến
- D. Carcinôm tế bào lớn
- E. Carcinôm tế bào nhỏ

34. Một bệnh nhân nam 48 tuổi, nhập viện vì phù mắt tăng dần và thở gấp từ một tháng nay. Bệnh nhân này hút một gói thuốc lá/ngày trong 40 năm. Khám lâm sàng bệnh nhân có tĩnh mạch cổ, ngực giãn to. Các xét nghiệm công thức máu, chuyển hóa và chức năng gan bình thường. CT-Scan cho thấy một khối ở phổi, kích thước 6 x 5 cm và nhiều nốt di căn ở gan. Bệnh lý nào có khả năng cao nhất gây ra tình trạng trên?

- ☒ A. Ung thư phổi tế bào nhỏ
- B. Bệnh lymphôm không Hodgkin
- ☒ C. Ung thư phổi không tế bào nhỏ

32<sup>D</sup> 33<sup>B</sup> 34<sup>C</sup> 35<sup>E</sup> 36<sup>E</sup> 37<sup>D</sup> 38<sup>D</sup> 39<sup>D</sup> 40<sup>C</sup>

41<sup>A</sup> 43<sup>B</sup> 44<sup>A</sup> 45<sup>E</sup> 46<sup>D</sup> 47<sup>D</sup>



- D. Huyết khối tĩnh mạch chủ trên  
E. Tất cả đều sai
35. Vị trí hạch lymphô nào sau đây được xem là di căn xa trong ung thư phổi:  
A. Hạch rốn phổi  
B. Hạch trung thất  
C. Hạch trên đòn (cùng bên)  
☒ D. Hạch nách  
E. Tất cả đều sai
36. Loại bướu nào sau đây không thường gặp ở trẻ em?  
A. Sarcôm cơ vân  
☒ B. Ung thư thanh quản  
C. Bướu nguyên bào thần kinh  
D. Carcinôm phổi tinh hoàn  
E. Câu A, B đúng
37. Ung thư ở trẻ em có tất cả các đặc tính sau đây, ngoại trừ:  
A. Bướu phát triển nhanh  
B. Thời gian ủ bệnh ngắn  
☒ C. Liên quan đến sự phơi nhiễm các tác nhân sinh ung  
D. Có yếu tố gia đình trong 10-15% các trường hợp
38. Loại bướu nào sau đây không thuộc về bướu tế bào mầm?  
A. Bướu quái (teratoma) và bướu quái ác tính  
B. Sêminôm (seminoma)  
C. Carcinôm phôi (embryonal carcinoma)  
☒ D. Carcinôm đường dẫn mật (cholangiocarcinoma)  
E. Không câu nào đúng
39. Khi không thể có được chẩn đoán giải phẫu bệnh trên bệnh nhân nghi ngờ ung thư gan, việc chẩn đoán là ung thư gan có thể dựa trên:  
A. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + khối u dưới sườn phải sờ được trên lâm sàng  
B. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + xét nghiệm HbsAg hoặc Anti-HCV dương tính mạnh  
☒ C. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + AFP/ huyết thanh  $> 400 \text{ ng/ml}$   
D. Xét nghiệm HbsAg hoặc Anti-HCV dương tính mạnh + AFP/ huyết thanh dương tính  
E. Tất cả đều sai
40. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư thực quản:  
A. Nôn ói  
B. Khàn tiếng  
☒ C. Nuốt nghẹn, nuốt khó  
D. Hạch cổ, trên đòn  
E. Nuốt đau
41. Biểu hiện nào sau đây không phải là Hội chứng Pancoast:  
A. Bướu vùng đỉnh phổi  
☒ B. Phù áo khoác  
C. Hủy xương sườn số 1  
D. Chèn ép mạng thần kinh cánh tay gây đau vai, cánh tay  
E. Không câu nào đúng

35 E 36 E 37 38 D 39 40 C 41 D



42. Khảo sát cận lâm sàng nào sau đây ít cần thiết thực hiện trước khi điều trị ung thư trực tràng:

- ☒ A. Chụp cận quang khung đại tràng
- B. Siêu âm trong lòng trực tràng
- ☒ C. Nội soi toàn bộ khung đại tràng và sinh thiết
- D. CT hoặc MRI bụng chậu
- E. Tất cả đều sai

43. Phương tiện nào sau đây dùng để tầm soát ung thư đại trực tràng đã được chứng minh có hiệu quả trong những thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có nhóm chứng?

- ☒ A. Tìm máu ẩn trong phân
- ☒ B. Nội soi đại tràng sigma bằng ống soi mềm
- ☒ C. Chụp cận quang kép khung đại tràng với baryte
- ☒ D. Nội soi khung đại tràng
- E. Siêu âm bụng, chậu

44. AFP (Alpha feto protein) tăng cao trong:

- ☒ A. Carcinôm tế bào gan
- B. Carcinôm đường mật trong và ngoài gan
- C. Sarcôm mạch máu ở gan
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

45. Bệnh ung thư gan ít phổ biến ở:

- A. Đông Á
- B. Đông Nam Á
- C. Châu Mỹ
- D. Châu Phi
- ☒ E. Châu Âu

46. Để phòng ngừa ung thư dương vật:

- A. Nên cắt da quy đầu thường quy cho trẻ sơ sinh theo phong tục Do Thái giáo
- B. Khám tiền hôn về các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục
- C. Cắt da quy đầu trước hôn nhân nếu da quy đầu dài hoặc hẹp
- ☒ D. Cắt da quy đầu cho trẻ nhũ nhi nếu da quy đầu dài hoặc hẹp
- E. Tất cả đều đúng

47. PSA là kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt, được dùng để:

- A. Tầm soát ung thư tuyến tiền liệt
- B. Chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt
- C. Theo dõi sau điều trị ung thư tuyến tiền liệt
- ☒ D. Cả 3 câu trên đều đúng
- E. Chỉ có A, B đúng

48. Vị trí hạch thường bị di căn nhất trong ung thư tinh hoàn:

- A. Hạch bẹn nông
- B. Hạch bẹn sâu
- C. Hạch chậu
- D. Hạch bịt
- ☒ E. Tất cả đều sai

49. Dấu hiệu sinh học nào được xét nghiệm trong ung thư tinh hoàn:

- A. AFP, CEA và LDH
- B. AFP, CA 125 và LDH
- ☒ C.  $\beta$ -HCG, PSA và CEA

\*LDH,  $\beta$ -hCG, AFP

42<sup>C</sup> 43<sup>B</sup> 44<sup>A</sup> 45<sup>E</sup> 46<sup>D</sup> 47<sup>D</sup> 48<sup>E</sup> 49<sup>E</sup>

Hạch cảnh âm chi 80%



D. LDH, B-HCG và CA 125

E. Tất cả đều sai

50. Phương tiện nên được sử dụng để khảo sát giải phẫu bệnh khối u ở tinh hoàn:

A. FNA buồng tinh hoàn

B. Mô sinh thiết tinh hoàn qua ngã bìu

☒ C. Mô sinh thiết trọn tinh hoàn qua ngã bẹn

D. Tất cả các câu trên đều đúng

sinh thiết hay FNA

51. Phân loại bướu theo TNM trong ung thư đại trực tràng dựa vào:

A. Kích thước bướu theo chiều ngang

B. Kích thước bướu theo chiều dọc

C. Mức độ gây chít hẹp lòng ống tiêu hóa

☒ D. Mức độ xâm lấn sâu thành ruột

E. Tất cả đều sai

52. Bệnh nhân nam, 43 tuổi, người châu Á bị viêm tai giữa bên phải điều trị bằng amoxicillin 10 ngày. Bệnh nhân tái khám 8 tuần sau đó với than phiền vẫn còn đau tai phải đồng thời xuất hiện thêm triệu chứng mới là song thị và đau đầu vùng chẩm. Khám lâm sàng phát hiện hạch cổ 2 bên, kích thước < 6cm, hạch trên đòn không sờ chạm. Khám chuyên khoa tai mũi họng phát hiện một khối ở thành bên mũi hầu liên tục với phía trên. MRI cho thấy có sự xâm lấn vào xoang hang cùng bên. Kết quả sinh thiết được xếp hạng theo WHO: carcinôm không biệt hóa hoặc lymphôm biểu mô. Nguyên nhân nào có thể gây ra bệnh này

☒ A. HPV

B. Thuốc lá

C. Uống rượu

☒ D. HIV

E. Tất cả đều sai

Kuom Hain - lymphoma  
Kusung Hain

53. Bệnh nhân nam 54 tuổi nhập viện vì khàn tiếng và nuốt đau. Bệnh 2 tháng, điều trị với kháng sinh không giảm, sụt 5 kg do ăn uống kém. Tiền căn hút thuốc lá 30 gói/năm. Khám lâm sàng phát hiện một khối cứng ở vùng đáy lưỡi trái, lưỡi di động bình thường, không khít hàm, hạch cổ trái 4 cm, cứng, di động. Kết quả FNA hạch cổ: carcinôm tế bào gai. CT scan đầu cổ phát hiện tổn thương vùng đáy lưỡi trái, 3cm, 2 hạch cổ cùng bên kích thước 2 và 4 cm. CT scan ngực bình thường. Xếp hạng TNM của bệnh nhân này

A. T2N2AM0

☒ B. T2N2BM0

C. T2N3M1

D. T2N2AM1

E. T2N2BM1

N1 < 3cm  
N2: 3-6  
N3: > 6cm  
2A: 1 hạch vùng  
2B: 7, 2

54. Bệnh nhân nam 75 tuổi nhập viện vì vết loét không lành ở mặt 2 năm nay. KPS 80. Khám lâm sàng vết loét rãnh mũi môi (T) đường kính 1,5cm giới hạn rõ, bờ gồ cao ngấm sắc tố đen. Tiền căn cao huyết áp đang điều trị, COPD. Phương pháp sinh thiết phù hợp đối với bệnh nhân này là:

A. Sinh thiết lặn bướu

☒ B. Sinh thiết bằng kềm bấm

C. Sinh thiết trọn

D. Sinh thiết bằng kim nhỏ

FNA: hạch cổ, sinh thiết mũi môi, biops

55. Kết quả sinh thiết là mô viêm mạn tính. Bước xử trí thích hợp tiếp theo là

A. Sinh thiết lần hai

50C 51D 52A 53B 54B 55



- B. Phẫu thuật lấy trọn sang thương  
 C. Theo dõi thêm  
☒ D. A, B đúng  
 E. Tất cả đều đúng
56. Cũng ca bệnh trên nhưng nếu giải phẫu bệnh sau sinh thiết lần 1 là carcinôm tế bào đáy thì phương pháp điều trị phù hợp cho bệnh nhân là:

- ☒ A. Phẫu trị  
☒ B. Xạ trị  
 C. Kem Imiquimod 5%  
 D. Theo dõi  
 E. Hóa trị

57. Bệnh nhân nữ 85 tuổi ở quận Bình Thạnh, TPHCM. Cách nhập viện 6 tháng bệnh nhân phát hiện vết loét vùng má (T) không lành. Cách nhập viện 2 tuần bệnh nhân đi khám tại bệnh viện tư được chẩn đoán là ung thư da và được cắt rộng sang thương. Giải phẫu bệnh sau mổ: carcinôm tế bào đáy, diện cắt bên (+) → chuyển bệnh viện Ung Bướu. Hiện KPS 70, sẹo mô vùng má (T) lành tốt, mô dưới sẹo hơi sưng. Tiền căn COPD phải nhập viện 2 lần trong tháng vừa qua, liệt nửa người (T) do tai biến mạch máu não cách nay 3 năm. Xử trí thích hợp cho bệnh nhân này là:

- ☒ A. Cắt rộng sẹo  
☒ B. Xạ trị  
 C. Theo dõi thêm  
 D. Kem 5-FU  
 E. Kem Imiquimod 5%

58. Một bệnh nhân nam, 65 tuổi phát hiện một khối u ở vùng cổ phải và khàn tiếng. Siêu âm cổ phát hiện một nhân giáp thùy phải kích thước 5cm, echo kém. FNA: carcinôm tuyến giáp dạng nhú. Bệnh nhân được cắt giáp toàn phần. Giải phẫu bệnh sau mổ: carcinôm tuyến giáp dạng nhú ở thùy phải, kích thước 5cm, không xâm lấn vỏ bao, không có di căn hạch. Bước điều trị tiếp theo của bệnh nhân này

- ☒ A. Diệt giáp (I<sup>31</sup>)  
☒ B. Xạ trị  
 C. Hóa trị  
 D. Hóa xạ đồng thời  
☒ E. Theo dõi

59. Carcinôm tuyến giáp không biệt hóa được xếp giai đoạn IV trong trường hợp nào

- A. Di căn hạch cổ  
 B. Di căn phổi hoặc xương  
☒ C. Bất cứ carcinôm tuyến giáp không biệt hóa nào  
 D. Không có câu trả lời phù hợp  
 E. A, B đúng

60. Các biến thể của carcinôm tuyến giáp dạng nhú liên quan đến tiên lượng xấu, ngoại trừ

☒ A. Biến thể dạng nang  
 B. Biến thể dạng cột  
 C. Biến thể dạng tế bào cao  
 D. Tất cả đều đúng  
 E. Tất cả đều sai

-Hết-

55 56 57B 58E 59C 60A